CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư và Phát triển Việt Trung Nam

Ngày 30/09/2025	2,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.2%	**43.8%**	**21.1%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,300 - 2,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	345
Số lượng CPLH (CP)	150,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	524,540
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	1.29
EPS	13
P/E	170.5

DT thuần
Q3/25
0
tỷ VNĐ

LN thuần
Q3/25
-0.54
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.24| 30.6%
YoY: ▼0.04| -8.3%

LN sau thuế
Q3/25
-0.54
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.24| 30.6%
YoY: ▼0.04| -8.3%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25

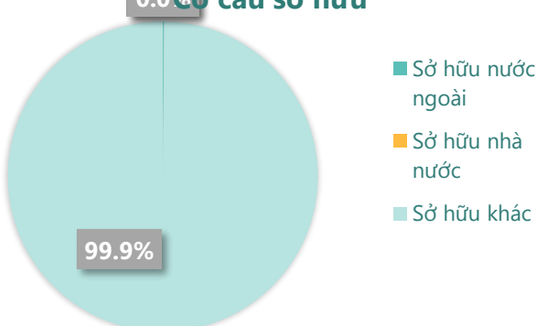
ROE (TTM)
Q3/25
1.5%
YoY: +/-▼ 0.0%

DT thuần
9T 2025
0
tỷ VNĐ

LN thuần
9T 2025
-1.85
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.25| 11.9%

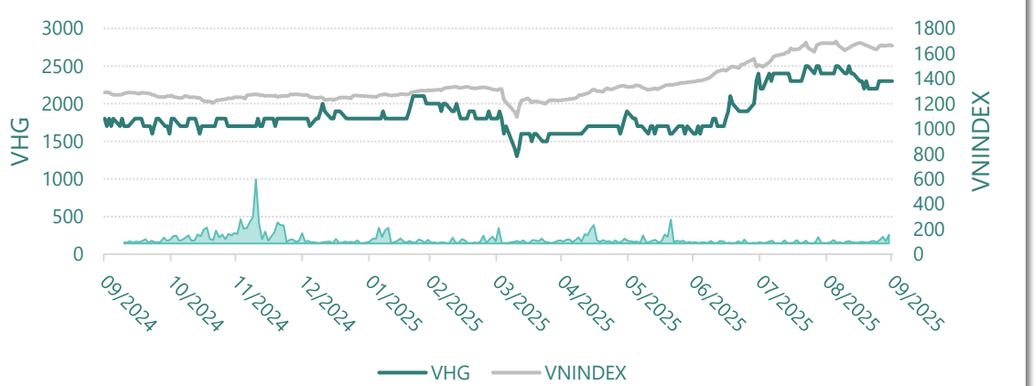
LN sau thuế
9T 2025
2.56
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.66| 222%

Cơ cấu sở hữu

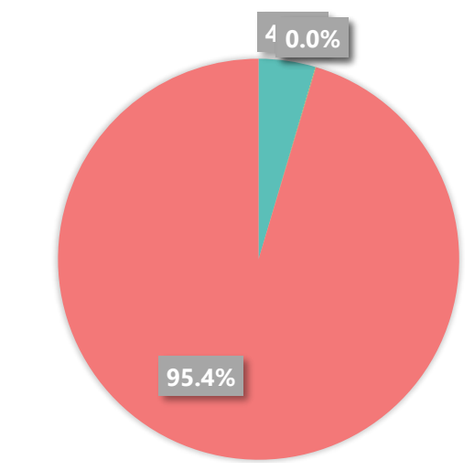


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



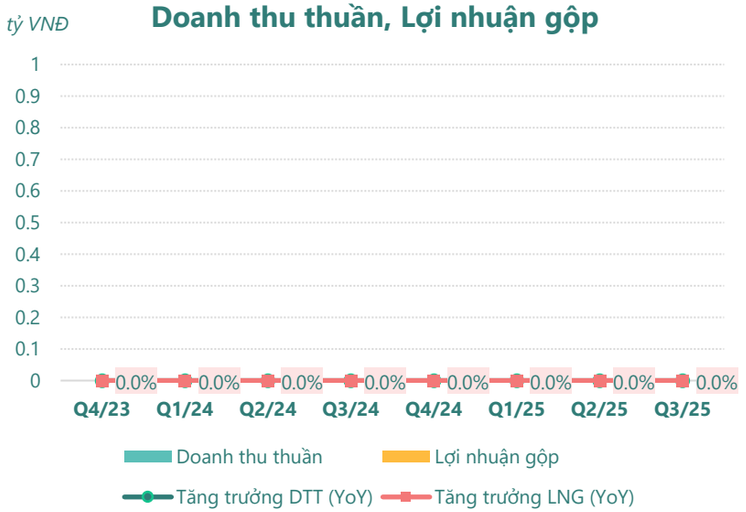
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

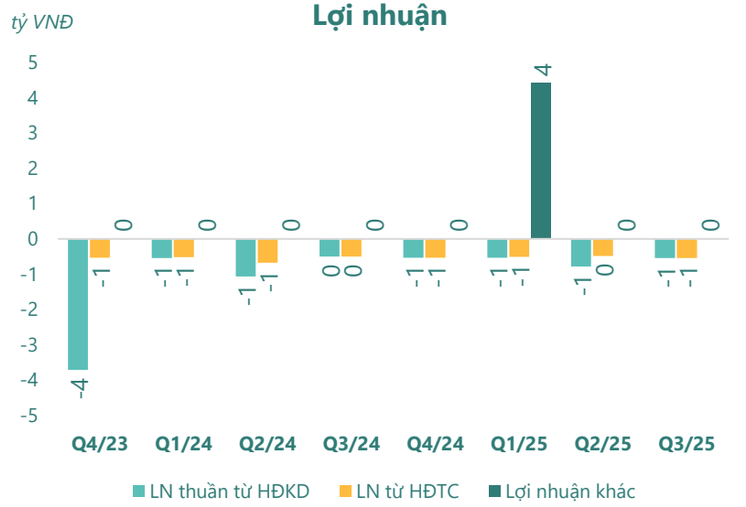
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



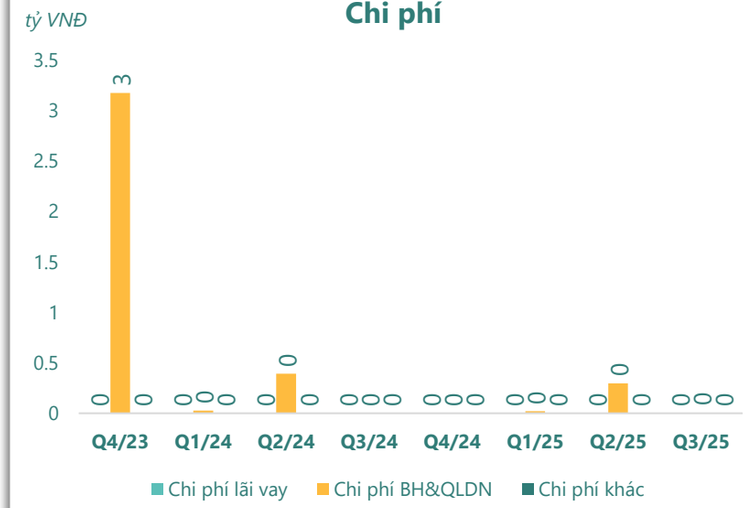
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



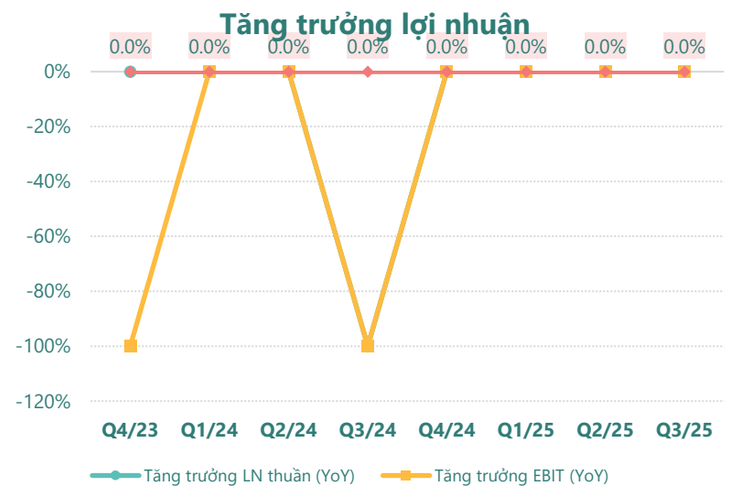
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



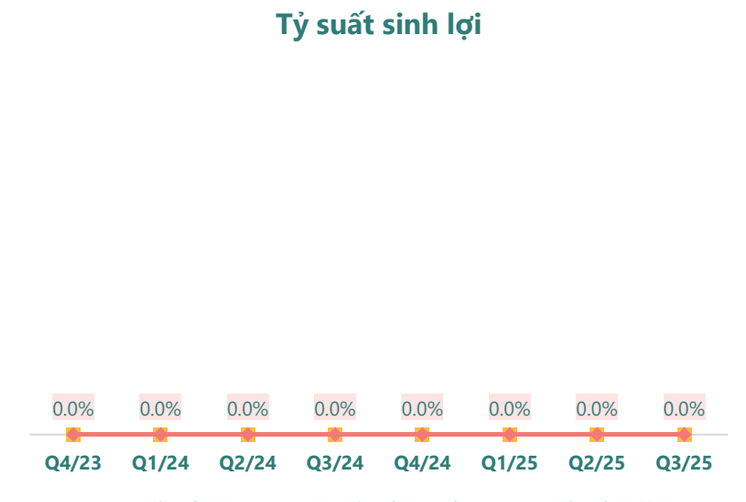
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



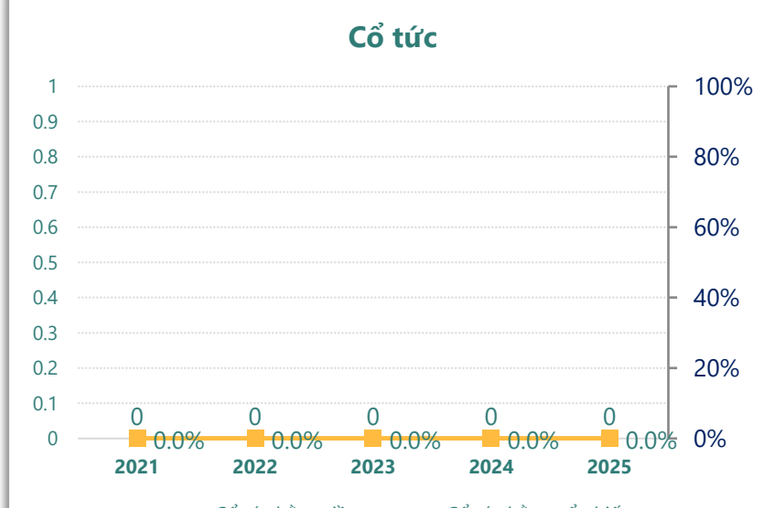
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

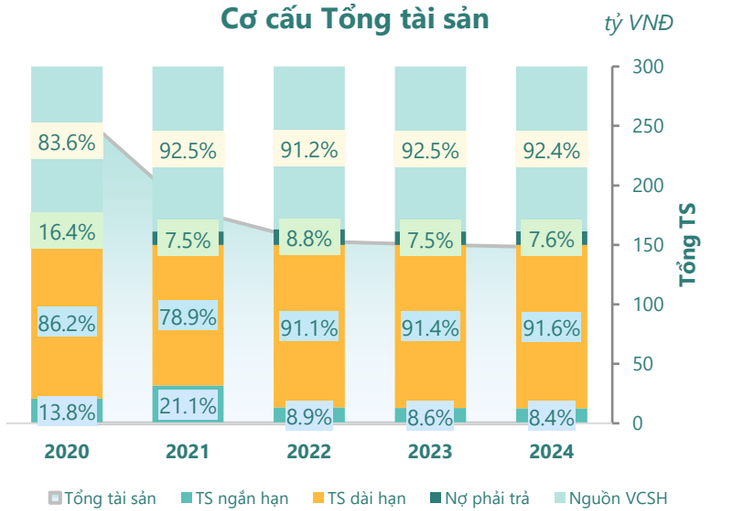
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

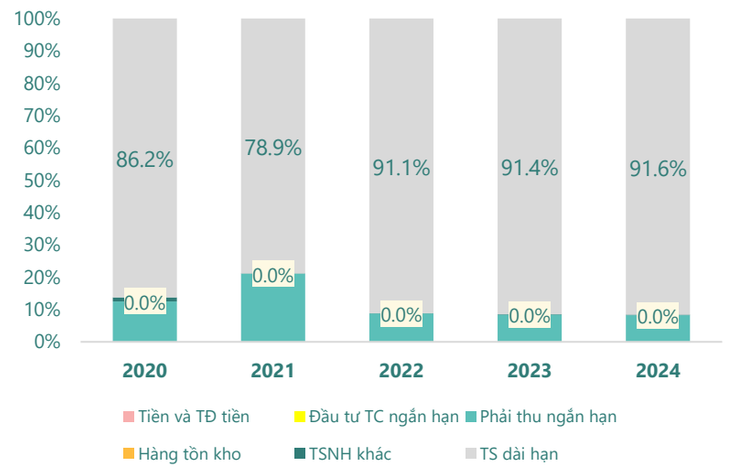
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



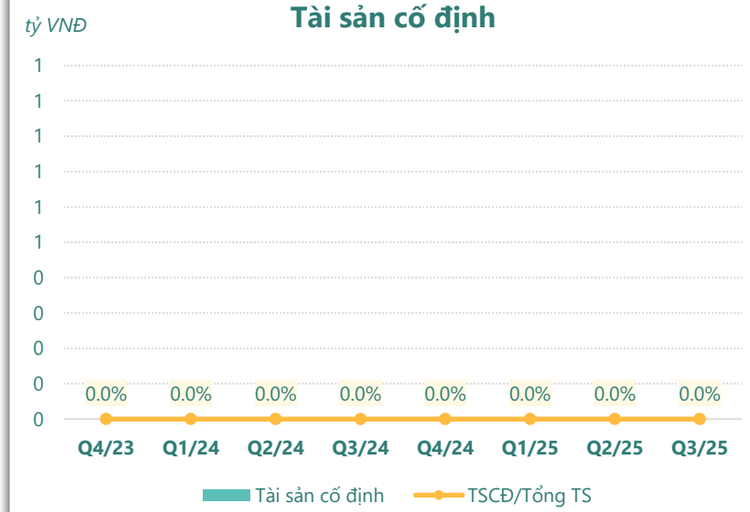
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



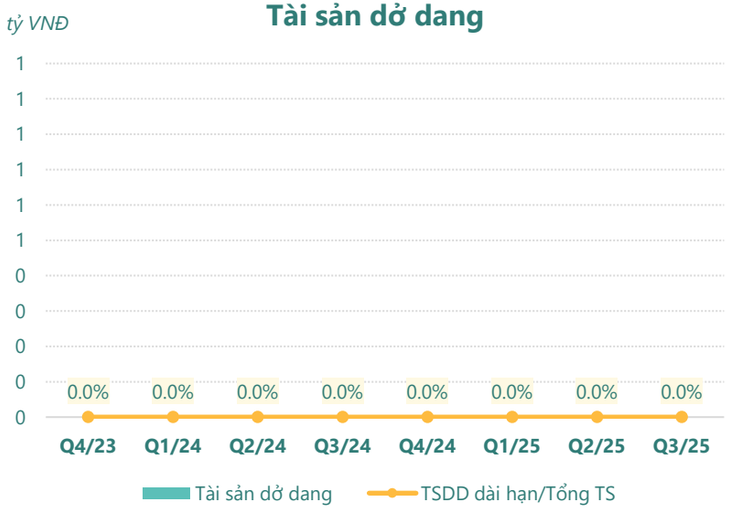
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



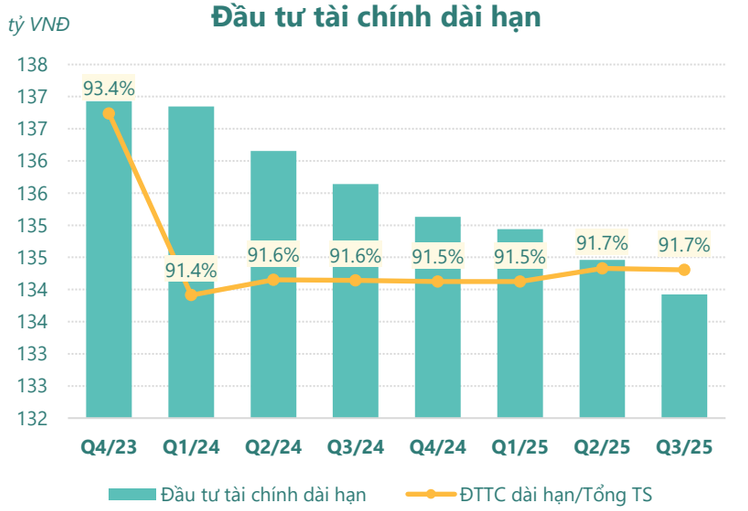
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



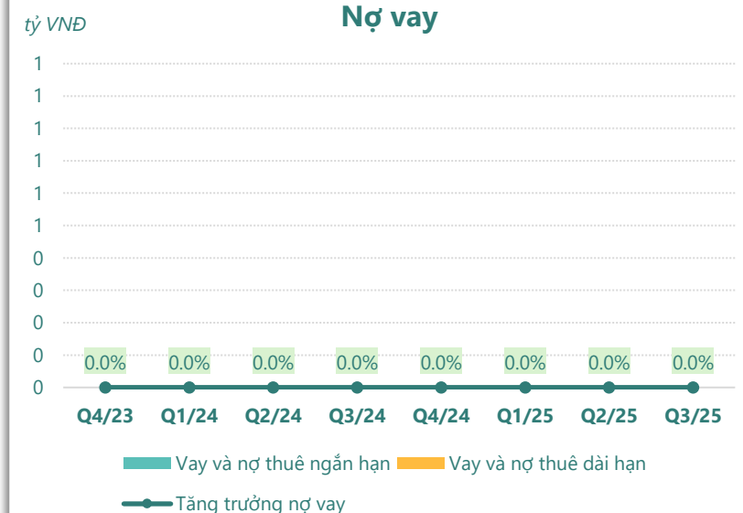
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

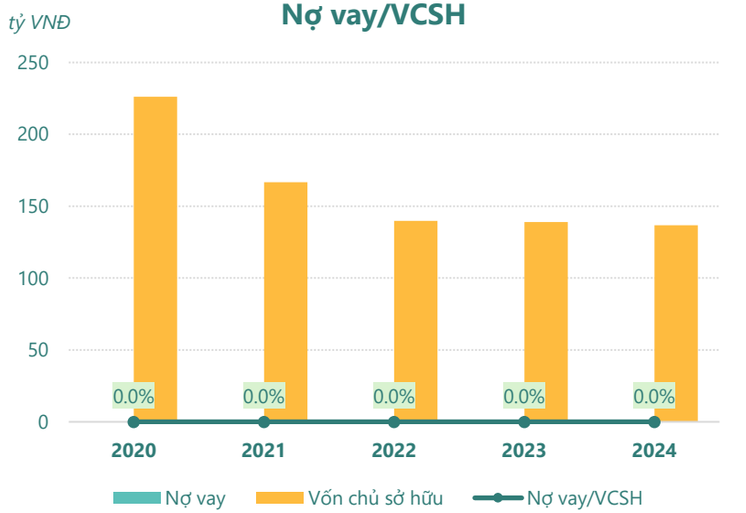
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

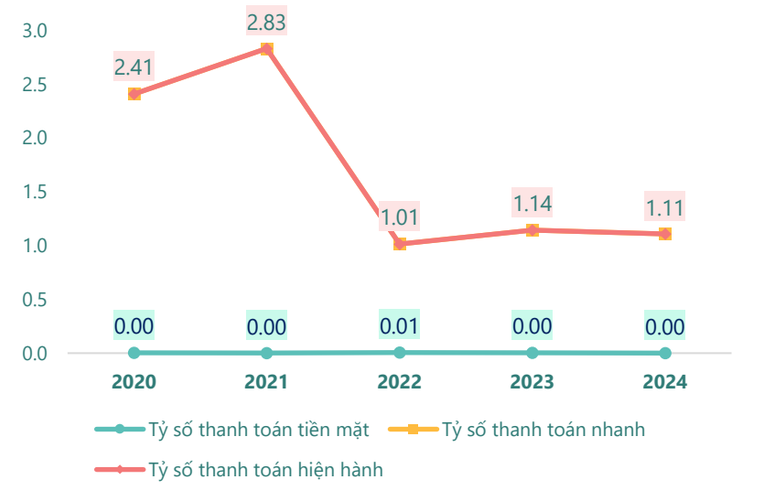
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



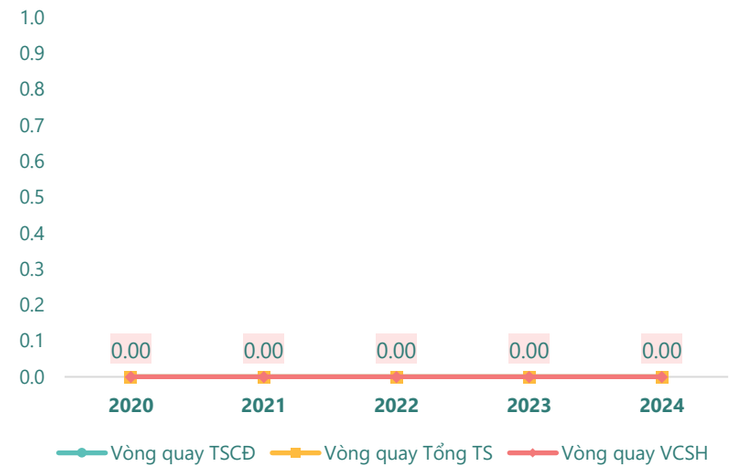
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



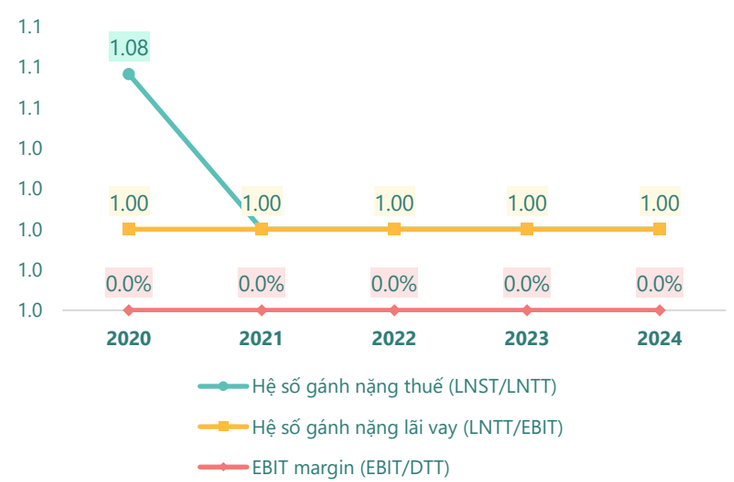
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



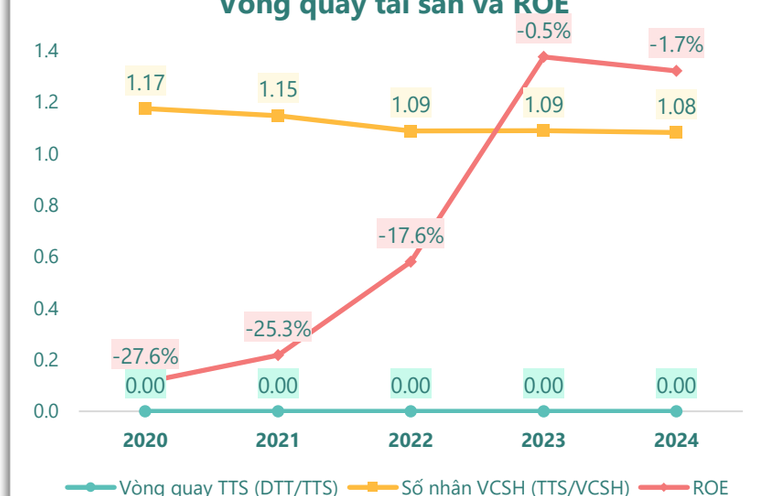
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



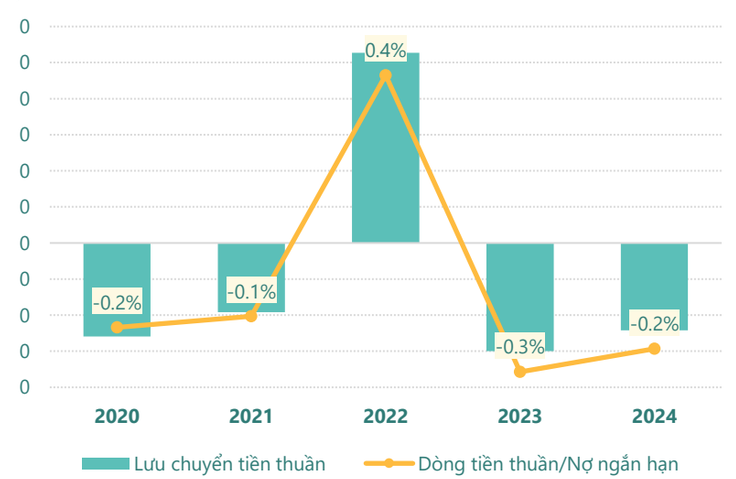
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Giá vốn hàng bán	0	0.00		0	0	
Lợi nhuận gộp	0	0.00		0	0	
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	12.0%
Chi phí TC	0.54	0.50	7.6%	1.53	1.69	-9.1%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.00**	**0.00**		**0.32**	**0.42**	**-23.5%**
LN thuần từ HĐKD	-0.54	-0.50	-8.3%	-1.85	-2.10	11.9%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**4.41**	**0**	
LN trước thuế	-0.54	-0.50	-8.3%	2.56	-2.10	222%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.54**	**-0.50**	**-8.3%**	**2.56**	**-2.10**	**222%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.54**	**-0.50**	**-8.3%**	**2.56**	**-2.10**	**222%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.01	0.00	0.00	-0.01	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0	0	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.04	0.02	0.02	0.02	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.01**	**0.00**	**0.00**	**-0.01**	**0.00**	**0.00**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.02	0.02	0.02	0.00	0.00	0.00

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**146**	**148**	**-1.3%**
Tài sản ngắn hạn	12.2	12.5	-2.6%
Tiền và tương đương tiền	0.00	0.02	-94.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.07	0.07	-5.4%
Phải thu ngắn hạn	11.8	12.1	-2.7%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.30	0.28	6.3%
Tài sản dài hạn	**134**	**135**	**-1.1%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	134	135	-1.1%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	6.87	11.3	-39.1%
Nợ ngắn hạn	**6.87**	**11.3**	**-39.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.81	0.81	0.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**139**	**137**	**1.9%**
Vốn chủ sở hữu	**139**	**137**	**1.9%**
Vốn điều lệ	1,500	1,500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)